

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC X
TỈNH QUẢNG NGÃI**
Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 11/7/2025
“V/v ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X – QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hảo;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Đông; ông Nguyễn Văn Thuý.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Diệp - Thư ký Toà án nhân dân khu vực X- Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X – Quảng Ngãi tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Văn Khanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11-7-2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực X - Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2025/TLST-HNGĐ ngày 17-3-2025, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02-6-2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20-6-2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà M, sinh năm 1976 (Có mặt);

- *Bị đơn:* Ông H, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ (cũ): Thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

Cùng địa chỉ (mới): Thôn Đ, xã B, tỉnh Quảng Ngãi;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn là bà M trình bày và yêu cầu như sau:*

+ Về hôn nhân: Bà và ông H sống chung từ năm 1996 đến năm 2001 đăng ký kết hôn, trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi về chung sống thời gian đầu Bà cảm thấy vợ chồng sống chung hạnh phúc. Từ cuối năm 2018 đến nay ông H làm ăn bên ngoài không trao đổi với Bà, làm ăn thua lỗ nợ nần nhiều, về nhà hay gây sự chửi bới đánh đập Bà vô cớ. Gia đình phải bán hết tài sản

để trả nợ, tuy vậy ông H lại không lo làm ăn, tình cảm vợ chồng ngày một rạn nứt, giữa Bà với ông H đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Bà yêu cầu Tòa giải quyết cho Bà được ly hôn với ông H.

+ Về con chung: Giữa Bà với ông H có 03 con chung, là anh D, sinh năm 1996; anh T, sinh năm 2000; anh A, sinh năm 2003. Các con ông bà đều thành niên và có khả năng lao động, Bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là ông H:

+ Theo bà M cho biết: Trước khi làm thủ tục ly hôn và trong quá trình tham gia giải quyết vụ án tại Tòa, Bà đều điện thoại thông báo, trao đổi để ông H cùng phối hợp giải quyết nhưng ông H không chịu đến Tòa để giải quyết yêu cầu ly hôn của Bà.

+ Theo tài liệu Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương và Công an xã B được biết: Ông H hiện cư trú tại thôn Đ, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, ông H làm gì, làm ở đâu không rõ, lâu lâu gặp tại địa phương. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn không tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát: Tòa án nhân dân khu vực X - Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; thẩm phán, các hội thẩm nhân dân, thư ký tòa án tuân thủ và thực hiện đúng theo qui định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành việc tham gia tố tụng tại Tòa. Bị đơn không chấp hành tham gia tố tụng, bị đơn đã vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá mâu thuẫn giữa bà M với ông H ở mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Về phần án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án xác định quan hệ pháp luật về việc “ly hôn”, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo và triệu tập hợp lệ, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà M và ông H kết hôn với nhau tự nguyện, không có sự ép buộc, lừa dối, đăng ký kết hôn vào ngày 28/9/2001, được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng qui định. Hôn nhân giữa ông bà được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Nay bà M xin ly hôn với ông H, theo bà M trình bày cuộc sống hôn nhân của ông bà rạn nứt từ cuối năm 2018, do việc làm ăn thua lỗ của ông H, làm cho kinh tế gia đình sa sút và phải bán hết tài sản để trả nợ, sau đó ông H lại không chịu lo làm ăn, ông bà thường xuyên bất hòa và bắt đầu sống ly thân từ năm 2020, đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa.

[2.3] Ông H không tham gia tố tụng, không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án. Qua ý kiến trình bày của bà M, Tòa án đã xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông H và bà M cư trú, được biết: Trong cuộc sống vợ chồng ông bà thường xuyên bất hòa, vợ chồng sống chung không hạnh phúc, từ năm 2020 đến nay ông bà không còn sống chung với nhau nữa.

[2.4] Đánh giá quan hệ giữa vợ và chồng thấy rằng ông bà không còn tình nghĩa vợ chồng, không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, không sống chung cùng nhau, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa ông bà đã vi phạm Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là nguyên nhân chính làm cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Quách Thị My.

[3] Về con chung: Theo bà M trình bày ông bà có 03 con chung là D, sinh năm 1996; T, sinh năm 2000; A, sinh năm 2003; các con ông bà đều thành niên và có khả năng lao động, bà M không yêu cầu Tòa giải quyết, Tòa án không đề cập đến.

[4]Về tài sản: Bà M muốn tự thỏa thuận với ông H, không yêu cầu Tòa giải quyết, Tòa án không đề cập đến.

[5]Về án phí: Bà M đơn phương ly hôn nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), không phụ thuộc vào việc được Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận. Bà M được chuyển số tiền tạm ứng án phí sang án phí theo quy định tại Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 144 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Bà M được ly hôn với ông H. Quan hệ hôn nhân giữa ông bà chấm dứt kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Bà M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Bà M được chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí sang án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23 số 0002180 ngày 17-3-2025 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum; (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực X, tỉnh Quảng Ngãi).

3. Về quyền kháng cáo: Bà M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/7/2025). Ông H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND khu vực X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo